

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước
năm 2023, tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức
đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện Lực,
Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ
Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư
công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân
sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng
Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán
ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Văn bản số 5035/BKHĐT-TH ngày 22 tháng 7 năm 2022 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023;*

*Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết thông qua Kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách nhà nước năm 2023, tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số
224/BC-HĐND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách
Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2023: 5.973.300 triệu đồng, trong đó:

- a) Vốn ngân sách địa phương: 1.187.000 triệu đồng.
- b) Vốn ngân sách trung ương: 4.786.300 triệu đồng.

2. Dự kiến phương án phân bổ vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2023:

2.1. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 1.187.000 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn xây dựng cơ bản tập trung trong nước: 585.000 triệu đồng.

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (bao gồm cả phần trích thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính...): 580.000 triệu đồng.

c) Vốn thu từ Xổ số kiến thiết: 22.000 triệu đồng.

2.2. Vốn ngân sách trung ương: 4.786.300 triệu đồng, trong đó:

2.2.1. Vốn trong nước: 4.779.000 triệu đồng, trong đó:

a) Đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 1.217.000 triệu đồng, gồm:

- Giáo dục và Đào tạo, việc làm, dạy nghề: 90.000 triệu đồng.
- Y tế, dân số và gia đình: 70.000 triệu đồng.
- Nông, lâm nghiệp, thủy lợi: 53.000 triệu đồng.
- Giao thông vận tải: 956.000 triệu đồng.
- Xã hội: 30.000 triệu đồng.
- Hỗ trợ vốn đối ứng các dự án ODA: 18.000 triệu đồng.

b) Các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023: 957.000 triệu đồng, gồm:

- Xây dựng nông thôn mới: 135.000 triệu đồng.
- Giảm nghèo bền vững: 112.000 triệu đồng.

- Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang: 710.00 triệu đồng.

c) Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 2.605.000 triệu đồng, gồm:

- Giao thông vận tải : 2.430.000 triệu đồng.
- Y tế, dân số và gia đình: 175.000 triệu đồng.

2.2.2. Vốn nước ngoài: 7.300 triệu đồng, trong đó:

Nông nghiệp và phát triển nông thôn: 7.300 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu số I.b, II.a, II.b, III kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp chuyên đề lần thứ 2 thông qua ngày 16 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

CHỦ TỊCH

Lê Thị Kim Dung

ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023, TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 8 năm 2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2022			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Dự kiến Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022				
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	4.345.355	2.435.547	4.138.400	15.470.246	2.605.000	5.973.300	
	VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4.345.355	2.435.547	4.138.400	15.470.246	2.605.000	5.973.300	
I	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	870.400	352.247	870.400	5.777.300		1.187.000	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	530.200	400.000	530.200	2.988.700		585.000	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	300.000	250.000	300.000	2.650.000		580.000	
3	Xổ số kiến thiết	20.000	15.000	20.000	117.500		22.000	
4	Bộ chi ngân sách địa phương	20.200	15.000	20.200	21.100			

STT	Nguồn vốn	Năm 2022			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Dự kiến Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022				
1	2	3	4	5	6	7	8	9
II	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.474.955	2.083.300	3.268.000	9.692.946	2.605.000	4.786.300	
1	Vốn trong nước	3.241.355	1.983.400	3.034.400	9.189.346	2.605.000	4.779.000	
	<i>Trong đó:</i>							
1.1	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực	2.534.400	1.818.400	2.434.400	6.264.824		1.217.000	Chi tiết theo biểu II.a
1.2	Chương trình mục tiêu quốc gia	706.955	165.000	600.000	2.924.522		957.000	Chi tiết theo biểu II.a
1.3	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội					2.605.000	2.605.000	Chi tiết theo biểu II.b
2	Vốn nước ngoài (ODA)	233.600	99.900	233.600	503.600		7.300	Chi tiết theo biểu III

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (TRONG NƯỚC) NĂM 2022 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HDND ngày tháng 8 năm 2022 của HDND tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022						Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2023				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ			
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:						
																			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Chuẩn bị đầu tư		
TỔNG SỐ (A+B)					12.260.950	8.784.979	3.241.355	3.241.355	1.983.400	1.983.400	3.034.400	3.034.400	7.412.200	5.183.444	9.174.346	9.174.346	64.524	2.674.000	2.174.000										
A ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC					12.260.950	8.784.979	2.534.400	2.534.400	1.818.400	1.818.400	2.434.400	2.434.400	6.705.245	4.476.489	6.249.824	6.249.824	64.524	1.717.000	1.217.000										
I GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, VIỆC LÀM, ĐÀY NGHỀ					295.000	222.000	50.000	50.000	30.000	30.000	50.000	50.000	87.500	65.500	165.000	165.000		90.000	90.000										
(1) Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022					45.000	22.000							37.000	15.000	15.000	15.000													
1	Xây dựng khoa đào tạo nữ trí Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang	Tỉnh Tuyên Quang		2017-2020	1500/QĐ-UBND, 26/10/2016, 1595/QĐ-UBND, 19/10/2021	45.000	22.000							37.000	15.000	15.000	15.000									Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang	Phần vốn còn thiếu bố trí từ NSDP		
(2) Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023					250.000	200.000	50.000	50.000	30.000	30.000	50.000	50.000	50.500	50.500	150.000	150.000		90.000	90.000										
1	Xây dựng Trường THPT Chuyên Tuyên Quang tại địa điểm mới	TP Tuyên Quang		2021-2024	54/NQ-HDND, 20/11/2020	250.000	200.000	50.000	50.000	30.000	30.000	50.000	50.000	50.500	50.500	150.000	150.000										Sở Giáo dục và Đào tạo		
II Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH					1.540.453	1.418.000	565.000	565.000	235.000	235.000	465.000	465.000	630.000	592.700	1.388.000	1.388.000		70.000	70.000										
(1) Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022					72.453	50.000							55.300	20.000	20.000	20.000													
1	Nâng cấp mở rộng Bệnh viện y dược cổ truyền, tỉnh Tuyên Quang	TP Tuyên Quang	150 giường	2016-2020	140a/QĐ-UBND, 05/02/2016, 1560/QĐ-UBND, 14/10/2021	72.453	50.000							55.300	20.000	20.000	20.000										Bệnh viện y dược cổ truyền, tỉnh Tuyên Quang	Phần vốn còn thiếu bố trí từ NSDP	
(2) Các Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2022					1.468.000	1.368.000	565.000	565.000	235.000	235.000	465.000	465.000	574.700	572.700	1.368.000	1.368.000		70.000	70.000										
1	Dự án Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	TP Tuyên Quang	200 giường	2020-2023	13/NQ-HDND, 29/4/2020, 1544/QĐ-UBND, 09/10/2021	198.000	168.000	65.000	65.000	35.000	35.000	35.000	35.000	74.000	72.000	168.000	168.000											Sở Y tế	
2	Đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	TP Tuyên Quang	800 giường	2021-2025	53/NQ-HDND, 20/11/2020	1.270.000	1.200.000	500.000	500.000	200.000	200.000	430.000	430.000	500.700	500.700	1.200.000	1.200.000											Sở Y tế	
III CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					10.301.592	7.021.074	1.859.400	1.859.400	1.496.400	1.496.400	1.859.400	1.859.400	5.864.745	3.713.289	4.506.824	4.506.824	64.524	1.509.000	1.009.000										
III.1 NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI					2.290.507	2.183.935	188.000	188.000	150.000	150.000	188.000	188.000	1.980.769	387.524	462.524	462.524	64.524	53.000	53.000										
(1) Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022					271.439	190.000							157.420	30.000	30.000	30.000													
1	Dự án xây dựng hạ tầng thiết yếu đảm bảo ổn định đời sống dân cư khu vực xã Bình Yên và thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Huyện Sơn Dương		2016-2020	369/QĐ-UBND, 30/3/2016	100.000	90.000							90.000	5.000	5.000	5.000											UBND huyện Sơn Dương	Phần vốn còn thiếu bố trí từ NSDP
1	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và vùng rừng phòng hộ đầu nguồn tại thôn Ngòi cái, xã Tiên Bó, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Huyện Yên Sơn	43 hộ dân	2016-2022	390/QĐ-UBND 31/3/2016, 525/QĐ-UBND 09/5/2020, 1600/QĐ-UBND, 19/10/2021	83.239	32.000							32.420	10.000	10.000	10.000											UBND huyện Yên Sơn	Phần vốn còn thiếu bố trí từ NSDP

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022								Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2022		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2023				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: vốn NSTW									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Trong đó:									
																		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)								
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	11	12	13	14	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	26		
2	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm đặc biệt khó khăn thôn Khâu Tinh và thôn Tát Ké xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Huyện Na Hang	43 hộ dân	2016-2020	354/QĐ-UBND; 28/3/2016	88.200	68.000							35.000	15.000	15.000	15.000								UBND huyện Na Hang	Phản vốn còn thiếu bù trí từ NSDP	
(2)	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2023					2.019.068	1.993.935	188.000	188.000	150.000	150.000	188.000	188.000	1.823.349	357.524	432.524	432.524	64.524			53.000	53.000					
1	Dự án điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Tỉnh Tuyên Quang		2011-2025	1766/QĐ-TTg; 10/10/2011; QĐ 348/QĐ-TTg; 12/3/2021	1.868.935	1.868.935	188.000	188.000	150.000	150.000	188.000	188.000	1.784.831	352.524	427.524	427.524	64.524			53.000	53.000				Có kế hoạch phân bổ chi tiết riêng	
2	Dự án Kè chống sạt lở suối Nậm Chang, bảo vệ khu hành chính huyện Lâm Bình	Huyện Lâm Bình	2 km	2014-2025	1609/QĐ-CT 31/12/2019	150.133	125.000							38.518	5.000	5.000	5.000								UBND huyện Lâm Bình	Phản vốn còn thiếu bù trí từ NSDP	
III.2 CỤM CÔNG NGHIỆP						61.591	30.000							27.000	5.000	5.000	5.000										
Thực hiện dự án						61.591	30.000							27.000	5.000	5.000	5.000										
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022					61.591	30.000							27.000	5.000	5.000	5.000										
	Dự án nhóm B					61.591	30.000							27.000	5.000	5.000	5.000										
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Cụm công nghiệp Khuôn Phươn, huyện Na Hang	Huyện Na Hang		2016-2020	1526a/QĐ-UBND; 30/10/2015	61.591	30.000							27.000	5.000	5.000	5.000								UBND huyện Na Hang	Phản vốn còn thiếu bù trí từ NSDP	
III.3 CÔNG NGHIỆP						950.097	95.565							255.258	32.565	32.565	32.565										
Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2023						950.097	95.565							255.258	32.565	32.565	32.565										
1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2013 -2020	Trên địa bàn tỉnh TQ		2013-2020	1468/QĐ-UBND 30/10/2015; 1310/QĐ-UBND 13/11/2017; 1848/QĐ-UBND, 23/11/2021	950.097	95.565							255.258	32.565	32.565	32.565								Sở Công thương	Phản vốn còn thiếu bù trí từ NSDP	
III.4 GIAO THÔNG VẬN TẢI						6.914.477	4.692.574	1.671.400	1.671.400	1.346.400	1.346.400	1.671.400	1.671.400	3.568.718	3.278.200	3.996.735	3.996.735				1.456.000	956.000					
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022					508.692	349.266	52.000	52.000	42.000	42.000	52.000	52.000	405.718	147.000	167.000	167.000										
1	Dự án O2 tuyến đường dọc hai bên bờ sông Lô đầu nối với các tuyến QL37, QL2C, đường Hồ Chí Minh liên kết với đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với cao tốc Lào Cai-Nội Bài	TP Tuyên Quang	Tuyến 1: 3.048 km; tuyến 2: 2.875 km.	2017-2022	1560/QĐ-UBND 30/10/2016; 789/QĐ-UBND 29/6/2020; 1590/QĐ-UBND, 18/10/2021	323.692	169.766	15.000	15.000	12.000	12.000	15.000	15.000	220.718	80.000	100.000	100.000								UBND Thành phố Tuyên Quang	Phản vốn còn thiếu bù trí từ NSDP	
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Trung tâm xã Văn Sơn qua các thôn Độc Vầu, Xóm Mới, nhánh vào thôn Mãn Sơn đi xã Hồng Lạc, xã Sầm Dương đến thôn Phan Lương, xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Huyện Sơn Dương	24.218 km, TC đường cấp V, MN	2018-2022	09/NQ-HĐND; 10/5/2020; 689/QĐ-UBND 15/6/2020; 1650/QĐ-UBND, 25/10/2021	185.000	179.500	37.000	37.000	30.000	30.000	37.000	37.000	185.000	67.000	67.000	67.000								UBND huyện Sơn Dương	Phản vốn còn thiếu bù trí từ NSDP	
(2)	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2023					5.357.417	3.477.573	1.409.400	1.409.400	1.139.400	1.139.400	1.409.400	1.409.400	2.690.184	2.658.584	2.964.000	2.964.000				1.258.000	758.000					
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến ĐT.188 đoạn Km48+00-Km56+300, huyện Chiêm Hóa, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	Huyện Chiêm Hóa, huyện Lâm Bình	36,71 km theo TC đường cấp III, MN	2019-2023	493/QĐ-UBND; 06/5/2020; 1542/QĐ-UBND, 09/10/2021	598.878	568.000	120.000	120.000	100.000	100.000	120.000	120.000	389.284	359.184	538.000	538.000				150.000	150.000			Sở Giao thông Vận tải		
2	Dự án xây dựng cầu Xuân Vân, vượt sông Gắm, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Huyện Yên Sơn		2021-2024	578/QĐ-UBND 04/6/2021; 367/QĐ-UBND, 07/4/2022	233.573	233.573	70.000	70.000	50.000	50.000	70.000	70.000	100.500	100.000	250.000	250.000				133.000	133.000			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ		
3	Cầu qua sông Lô Km 71 đường Tuyên Quang - Hà Giang đi Bạch Xa, xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	Huyện Hàm Yên		2021-2024	41/NQ-HĐND; 20/11/2020; 577/QĐ-UBND 04/6/2021	176.995	160.000	50.000	50.000	45.000	45.000	50.000	50.000	80.500	80.000	160.000	160.000				80.000	80.000			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năm lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022						Đã tri vón đến hết kế hoạch năm 2022		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vón NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2023				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ			
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vón)	Trong đó: NSTW	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vón)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vón)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vón)	Trong đó: vón NSTW					
						Tổng số (tất cả các nguồn vón)	Trong đó: vón NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vón)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vón)	Trong đó: NSTW					Trong đó:		Tổng số		Trong đó:					
																		Thu hồi các khoản vón ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			Tổng số			Thu hồi các khoản vón ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	11	12	13	14	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	26		
4	Dự án đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện lỵ Yên Sơn Km14 QL2 Tuyên Quang - Hà Giang	Huyện Yên Sơn		2021-2024	90/NQ-HĐND; 29/12/2020; 59/QĐ-UBND 07/6/2021	635.000	416.000	94.400	94.400	94.400	94.400	94.400	94.400	94.900	94.400	416.000	416.000			320.000	320.000				BQL dự án DTXD các công trình giao thông		
5	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Tỉnh Tuyên Quang, Tỉnh Phú Thọ		2021-2023	77/QĐ-UBND; 25/01/2021; 468/QĐ-UBND; 28/4/2022	3.712.970	2.100.000	1.075.000	1.075.000	850.000	850.000	1.075.000	1.075.000	2.025.000	2.025.000	1.600.000	1.600.000			575.000	75.000				BQL dự án DTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Năm 2023, dự kiến bổ tri 500.000 triệu đồng, từ nguồn vón ngân sách địa phương	
(3)	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2023					1.048.368	865.735	210.000	210.000	165.000	165.000	210.000	210.000	472.816	472.616	865.735	865.735			198.000	198.000						
1	Xây dựng đường từ Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm đến Quốc lộ 2D và đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ	Thành phố TQ		2021-2023	45/NQ-HĐND; 20/11/2020; 529/QĐ-UBND 26/5/2021	487.000	390.000	80.000	80.000	60.000	60.000	80.000	80.000	190.000	190.000	390.000	390.000					100.000	100.000			Sở Giao thông Vận tải	
2	Xây dựng đường giao thông từ Trường Tiểu Học xã Khuôn Hà đến đèo Kéo Rào thôn Nà Vàng, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	Huyện Lâm Bình		2021-2024	48/NQ-HĐND; 20/11/2020; 553/QĐ-UBND 31/5/2021	98.000	74.735	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	65.200	65.000	74.735	74.735					8.000	8.000			UBND huyện Lâm Bình	
3	Đầu tư xây dựng Cầu và tuyến đường tránh thị trấn Sơn Dương từ Km183 QL37 đi qua tổ dân phố Tân Kỳ, Tân Phúc qua Quốc lộ 2C đến Km 188 QL37, tổ dân phố Đàng Châu, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Huyện Sơn Dương		2021-2024	46/NQ-HĐND; 20/11/2020; 592/QĐ-UBND 07/6/2021	329.480	290.000	50.000	50.000	40.000	40.000	50.000	50.000	147.616	147.616	290.000	290.000					60.000	60.000			Sở Giao thông Vận tải	
4	Cải tạo nâng cấp đường Tân Yên - Thái Sơn - Thái Hòa - Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	Huyện Hàm Yên		2021-2024	52/NQ-HĐND; 20/11/2020; 552/QĐ-UBND 31/5/2021	133.888	111.000	50.000	50.000	35.000	35.000	50.000	50.000	70.000	70.000	111.000	111.000					30.000	30.000			Sở Giao thông Vận tải	
5	Dự án bồi thường GPMB xây dựng tuyến đường trên địa phận huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (khoảng 8,5 km), thuộc Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang.	Huyện Na Hang		2021-2024																					UBND huyện Na Hang		
III.5 DU LỊCH						84.921	19.000							33.000	10.000	10.000	10.000										
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023					84.921	19.000							33.000	10.000	10.000	10.000										
1	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu du lịch sinh thái thuộc huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	Huyện Lâm Bình		2018-2022	1542/QĐ-UBND; 29/10/2016; 1567/QĐ-UBND; 15/10/2021	84.921	19.000							33.000	10.000	10.000	10.000									UBND huyện Lâm Bình	Phần vón còn thiếu bổ tri từ NSDD
IV XÃ HỘI						123.904	123.904	33.000	33.000	30.000	30.000	33.000	33.000	71.000	53.000	120.000	120.000					30.000	30.000				
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023					123.904	123.904	33.000	33.000	30.000	30.000	33.000	33.000	71.000	53.000	120.000	120.000					30.000	30.000				
1	Dự án Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tuyên Quang	TP Tuyên Quang	Tiếp nhận từ 200 đến 300 HV	2020-2025	1358/QĐ-UBND 30/9/2020; 1603/QĐ-UBND; 21/10/2021	123.904	123.904	33.000	33.000	30.000	30.000	33.000	33.000	71.000	53.000	120.000	120.000					30.000	30.000			BQL Dự án DTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
V VỐN ĐÓI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA								27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	52.000	52.000	70.000	70.000					18.000	18.000				
B CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA								706.955	706.955	165.000	165.000	600.000	600.000	706.955	706.955	2.924.522	2.924.522					957.000	957.000				
1	Xây dựng nông thôn mới giai, đoạn 2021-2025							195.660	195.660	65.000	65.000	165.000	165.000	195.660	195.660	601.750	601.750					135.000	135.000				
2	Giảm nghèo bền vững giai, đoạn 2021-2025							166.109	166.109	50.000	50.000	135.000	135.000	166.109	166.109	503.457	503.457					112.000	112.000				
3	Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025							345.186	345.186	50.000	50.000	300.000	300.000	345.186	345.186	1.819.315	1.819.315					710.000	710.000				

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HDND ngày tháng 8 năm 2022 của HDND tỉnh Tuyến Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022				Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội				Nhu cầu kế hoạch 2023 cho nhiệm vụ, dự án từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội		Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2022		Tổng số		Trong đó: Chuẩn bị đầu tư		Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư									
																			Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư					
	TỔNG SỐ						7.033.000	4.672.170	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.605.000	36.000	-	-	2.605.000	-				
I	GAO THÔNG VẬN TẢI						6.800.000	4.497.170	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.430.000	30.000	-	-	2.430.000	-				
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023						6.800.000	4.497.170	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.430.000	30.000	-	-	2.430.000	-				
1	Cao tốc Tuyến Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - Đoạn qua tỉnh Tuyến Quang	A	Tỉnh Tuyến Quang và Tỉnh Hà Giang	L=77 km; Đường cao tốc	2022-2023		6.800.000	4.497.170	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.430.000	30.000	-	-	2.430.000	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông			
II	Y TẾ						233.000	175.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	175.000	6.000	-	-	175.000	-				
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2023						233.000	175.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	175.000	6.000	-	-	175.000	-				
1	Dự án Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Tuyến Quang	B	TP. Tuyến Quang		2022-2023		61.000	51.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	51.000	1.000	-	-	51.000	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp			
2	Dự án Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyến Quang	B	TP. Tuyến Quang		2022-2023		100.000	52.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	52.000	1.000	-	-	52.000	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp			
3	Dự án Trạm y tế thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyến Quang	C	Huyện Sơn Dương		2022-2023		9.000	9.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.000	500	-	-	9.000	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp			
4	Dự án Trạm y tế thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyến Quang	C	Huyện Chiêm Hoá		2022-2023		9.000	9.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.000	500	-	-	9.000	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp			
5	Dự án Trạm y tế thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyến Quang	C	Huyện Na Hang		2022-2023		9.000	9.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.000	500	-	-	9.000	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp			
6	Dự án Trạm y tế thị trấn Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyến Quang	C	Huyện Lâm Bình		2022-2023		9.000	9.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.000	500	-	-	9.000	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp			
7	Dự án Trạm y tế xã Thái Long, TP. Tuyến Quang, tỉnh Tuyến Quang	C	Xã Thái Long		2022-2023		9.000	9.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.000	500	-	-	9.000	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp			
8	Dự án Trạm y tế phường An Tường, TP. Tuyến Quang, tỉnh Tuyến Quang	C	P. Tường, TP		2022-2023		9.000	9.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.000	500	-	-	9.000	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp			
9	Dự án Trạm y tế phường Mỹ Lâm, TP. Tuyến Quang, tỉnh Tuyến Quang	C	Phường Mỹ Lâm,		2022-2023		9.000	9.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.000	500	-	-	9.000	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp			
10	Dự án Trạm y tế xã Tráng Đà, TP. Tuyến Quang, tỉnh Tuyến Quang	C	Xã Tráng Đà		2022-2023		9.000	9.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.000	500	-	-	9.000	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp			

